



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2022 |

MỤC LỤC

01 CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG

02 CHƯƠNG II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2022

03 CHƯƠNG III
BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

04 CHƯƠNG IV
ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 CHƯƠNG V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

06 CHƯƠNG VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2022

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Các giải thưởng tiêu biểu

Định hướng phát triển

Yếu tố rủi ro





Tên Công ty	Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai
Tên Tiếng Anh	Dong Nai Agricultural Livedtock Product Joint – Stock Company
Mã cổ phiếu	NSS
Vốn điều lệ	102.639.420.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.639.420.000 đồng
Trụ sở chính	238 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại	0251 3899 790
Fax	0251 3899 102
Email	dolicomail@dolicovn.com
Website	www.dolicovn.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 28/07/2022

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Chăn nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Công ty Chăn nuôi Đồng Nai tiến hành các thủ tục để cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Công văn số 1710/ CV-UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 2004.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000629 cho Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ được phê duyệt tại Quyết định 761/QĐ-CT-UBT là 56.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (bao gồm SLCP do Nhà nước tiếp tục nắm giữ) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng.

02/1978

11/1992

03/2004

02/2005

08/2005

Thực hiện theo chính sách đổi mới và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, UBND Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định để thành lập Công ty Chăn nuôi Đồng Nai.

Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định 761/QĐ-CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai.

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty mở rộng quy mô vốn lên 102.639.420.000 đồng.

Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên: 30/10/2018, giá tham chiếu là 26.800 đồng/cổ phiếu.

2010

11/2016

07/2018

10/2018

Nay

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 nâng vốn góp của Công ty lên 68.426.280.000 đồng.

Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018. Đồng thời, Công ty thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã Chứng khoán là NSS.

Công ty nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh và không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động được ĐHCĐ giao phó cũng như nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách nhà nước.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

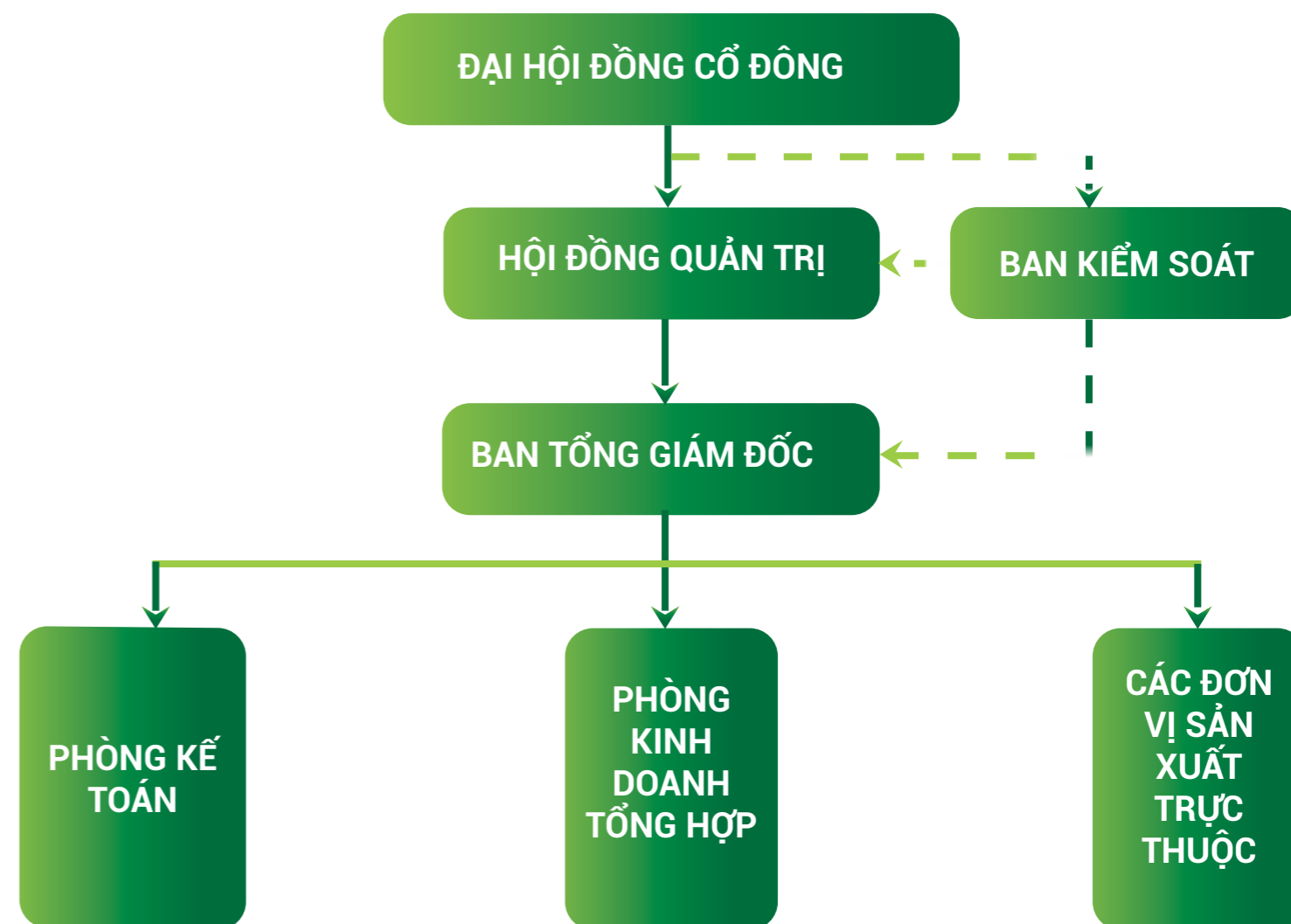
- » Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo.
- » Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm.
- » Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi.
- » Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt.
- » Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt.
- » Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông, vải).
- » Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến.
- » Sản xuất thức ăn gia súc.
- » Chế biến rau, củ, quả.
- » Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh).
- » Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi.
- » Xây dựng địa ốc.
- » Xây dựng cơ sở hạ tầng.
- » Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ.
- » Kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc.
- » Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho.
- » Bán buôn xe gắn máy.
- » Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải).
- » Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải).
- » Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- » Trồng rừng và chăm sóc rừng.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Công ty hoạt động chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác trên lãnh thổ Việt Nam.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân sự, xe máy, vật tư,... và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc. chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai không có Công ty con và Công ty liên kết.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
2	Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
3	Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
4	Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

» Về sản phẩm

Tập trung phát triển vào lĩnh vực kinh doanh chính là chăn nuôi heo nhằm cung cấp đến thị trường những sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; nâng tầm giá trị của thương hiệu với chất lượng sản phẩm vượt trội.

» Về quy mô sản xuất

Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và thiết bị vật tư thông qua hoạt động đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện đại có tính tự động hóa cao, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho đàn heo. Nâng cao chất lượng và hiệu suất của người lao động thông qua xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đầy đủ các thiết bị cho nhân viên.

» Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

Tích cực thực hiện hoạt động nghiên cứu nhằm vận dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình chăn nuôi gia súc như có các phương pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả; nâng cao tỷ lệ phối giống cho đàn nái. Qua đó, nâng cao năng suất sản xuất và mang lại hiệu quả kinh doanh cho Dolico, từng bước đưa Công ty phát triển bền vững hơn trong tương lai.

» Về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y

Đảm bảo nghiêm ngặt tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường xung quanh: vệ sinh chuồng trại cho đàn gia súc, chăm sóc và theo dõi tình hình sức khỏe thường xuyên. Tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm từ khâu chọn con giống đến các công tác phòng chống dịch bệnh để ngăn chặn những tác động xấu đến chất lượng đầu ra và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

» Về hoạt động đầu tư

Tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phù hợp với các cơ sở sản xuất hiện có của Dolico, và đẩy nhanh tiến độ các dự án mà Công ty đã đi vào quá trình đầu tư xây dựng. Đưa ra những chiến lược hoạt động phù hợp cho Công ty và nỗ lực triển khai các phương án đã được đề ra nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông; đảm bảo duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- » Hoạt động sản xuất kinh doanh của Dolico luôn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường xung quanh và đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng cuối cùng. Vì vậy, tất cả các cơ sở sản xuất, chuồng trại đều được đầu tư, trang bị hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý mùi hôi, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu về môi trường theo quy định hiện hành, đồng thời hạn chế được rủi ro bùng phát dịch bệnh trên đàn lợn. Từ đó, Dolico có thể đảm bảo uy tín và nâng cao hình ảnh đối với các khách hàng và đối tác kinh doanh.
- » Tích cực hơn trong công tác tham gia các hoạt động đóng góp cộng đồng và tạo việc làm cho người lao động địa phương bằng các hoạt động tài trợ, khuyến khích người lao động đóng góp và tổ chức các hoạt động thiện nguyện, quyên góp cho đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,...

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về công tác sản xuất

- Đầu tư theo thứ tự ưu tiên với chiến lược “Không đầu tư dàn trải” của Công ty, nhằm kiểm soát tốt chi phí một cách hiệu quả và mang lại lợi nhuận tối đa;
- Tích cực đầu tư nghiên cứu để nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty;
- Tăng năng suất hoạt động chăn nuôi, hạn chế rủi ro dịch bệnh thông qua công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên bộ trong sản xuất;
- Áp dụng các kỹ thuật khoa học phối giống mới nhằm tăng khả năng đậu thai và sinh nở, hạn chế tình trạng sinh non ở đàn heo;
- Đảm bảo tối ưu hóa chi phí đầu vào và chất lượng sản phẩm đầu ra thông qua nghiên cứu và đưa vào sử dụng chế độ ăn uống, thực đơn hợp lý cho đàn heo;
- Duy trì mối quan hệ mật thiết với khách hàng truyền thống lâu năm và đẩy mạnh mạng lưới khách hàng và nhà đầu tư mới;
- Đảm bảo sức khỏe thể chất, tinh thần và an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Về công tác quản lý

- Nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động điều hành trong quá trình sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy hoạt động trong Công ty phù hợp với tình hình thị trường và những yêu cầu nội bộ;
- Công tác kiểm soát được chú trọng nhằm bảo đảm nhân viên tuân thủ đúng các quy định ban hành và đạo đức nghề nghiệp.

YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2022, tình hình kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động từ bối cảnh quốc tế, khi những căng thẳng địa chính trị leo thang và tình hình thương mại chưa phục hồi sau Covid 19,... đã ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Tại Việt Nam, năm 2022 có tốc độ tăng trưởng kỷ lục với 8,02% đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Ở ngành chăn nuôi trong nước, nhu cầu tiêu thụ sụt giảm cùng với giá thành nguyên vật liệu đầu vào tăng và giá sản phẩm đầu ra biến động thất thường. Với hoạt động kinh doanh là chăn nuôi, Dolico cũng không thể tránh khỏi rủi ro này.

Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước để đưa ra những phương án phòng tránh linh hoạt phù hợp với mức độ ảnh hưởng của rủi ro nhằm hạn chế tổn thất gây ra và nắm bắt được cơ hội để đạt được mục tiêu đề ra.

Rủi ro pháp luật

Dolico hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi – nơi mà vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường được chú trọng, vì vậy Công ty chịu tác động của các văn bản luật như Luật An toàn thực phẩm, Luật Vệ sinh môi trường, Luật Chăn nuôi,... Ngoài ra, cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự chi phối của các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán và Luật thuế,... Điều này sẽ gây khó khăn cho Công ty khi có những sự thay đổi các quy định pháp luật trong bối cảnh đất nước hội nhập và ngày một phát triển kinh tế.

Vì vậy, Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình những thay đổi trong các văn bản pháp luật nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý liên quan. Đồng thời, Dolico tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nhân viên các quy định liên quan để thực thi các quy định pháp luật khi có thay đổi theo sự phát triển của nền kinh tế.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Ngành chăn nuôi của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu đầu vào nhập khẩu như ngô, đậu tương, lúa mì,... Trong năm 2022, giá của các mặt hàng này tăng cao kỷ lục, điều này đã ảnh hưởng đến chi phí vốn của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Dolico nói riêng.

Để đảm bảo ổn định biên lợi nhuận, Ban lãnh đạo Dolico đã nỗ lực đưa ra những giải pháp nhằm tối thiểu hóa chi phí, từ đó giúp ổn định lợi nhuận của Công ty. Các biện pháp này gồm: thực hiện liên kết chuỗi để tiết kiệm chi phí đầu vào, sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước làm thức ăn chăn nuôi.

Bên cạnh đó, Công ty đang thực hiện sản xuất cám làm đầu vào cho đàn heo. Dolico luôn theo dõi diễn biến giá cám trên thị trường và chi phí tự sản xuất nhằm lựa chọn phương án thích hợp để tiết kiệm chi phí.

Rủi ro sản phẩm đầu ra

Trong năm 2022, theo Cục quản lý giá, giá heo hơi trung bình đạt từ 53-66 nghìn đồng/kg, diễn biến giá đầu ra không được như kỳ vọng của các doanh nghiệp trong ngành khi chỉ tăng nhẹ. Đồng thời, nhu cầu tiêu thụ thịt trong năm thấp hơn so với khi trước đại dịch Covid 19 xảy ra. Do đó, đã ảnh hưởng đến doanh thu và biên lợi nhuận của Dolico khi đầu ra có nhiều biến động.

Nhằm hạn chế rủi ro từ diễn biến không ổn định của sản phẩm đầu ra, Ban lãnh đạo Dolico đã nỗ lực đa dạng hóa kênh phân phối sản phẩm bằng các sàn thương mại điện tử, đồng thời đẩy mạnh kênh siêu thị và cửa hàng tiện lợi. Ngoài ra, Dolico còn có định hướng chăn nuôi heo theo hướng xanh, hữu cơ với biên lợi nhuận cao và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là một nền kinh tế với độ mở cao vì vậy các ngành trong nước luôn đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, đối với ngành chăn nuôi cũng chịu áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp này. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh trong nước cũng là một yếu tố ảnh hưởng ít nhiều đến giá đầu ra của Dolico. Trong năm 2022, nguồn cung thịt lợn tăng mạnh sau giai đoạn giãn cách dịch bệnh Covid 19 và ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi đã gây sức ép lên Dolico về mặt tiêu thụ đầu ra.

Nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, Dolico đã tích cực xây dựng mô hình chăn nuôi khép kín, tự động để tối ưu hóa sản xuất tạo ra sản phẩm chăn nuôi có giá thành cạnh tranh, chất lượng cao. Cùng với đó để gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu, Công ty luôn nỗ lực đưa sản phẩm của mình quảng cáo trên website, báo đài, truyền hình, các diễn đàn chăn nuôi,...

Rủi ro dịch bệnh ở vật nuôi

Trong năm 2022, tuy dịch tả lợn Châu Phi không còn tác động mạnh đến ngành chăn nuôi của nước ta, tuy nhiên tình hình dịch bệnh vẫn còn tồn đọng ở một số địa phương và nguy cơ bùng phát dịch trở lại cao. Ngoài ra, các dịch bệnh khác liên quan đến lợn như dịch tả xanh, bệnh cúm, ... chỉ xảy ra ở một số hộ nuôi nhỏ, ở một vài địa phương.

Để có thể hạn chế được những tác động của các loại dịch bệnh gây ra cho gia súc, vật nuôi; Ban lãnh đạo Dolico đã có những biện pháp phòng, chống dịch bệnh như vệ sinh chuồng trại, phun thuốc khử trùng, thường xuyên kiểm tra y tế đàn lợn, tiêm vắc xin phòng dịch,...

Rủi ro bất khả kháng

Bất kỳ một chủ thể kinh doanh nào đều phải đối mặt với rất nhiều rủi ro từ nền kinh tế, ngành, cho đến nội bộ doanh nghiệp. Ngoài những rủi ro đã nêu ở trên, thì Dolico còn đối mặt với những rủi ro mang tính "bất khả kháng" như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lao động,...những rủi ro này có thể gây thiệt hại lớn cho Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động có những biện pháp nhằm phòng ngừa, như những hợp đồng bảo hiểm để hạn chế thấp nhất khi những rủi ro này xảy ra.

CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường



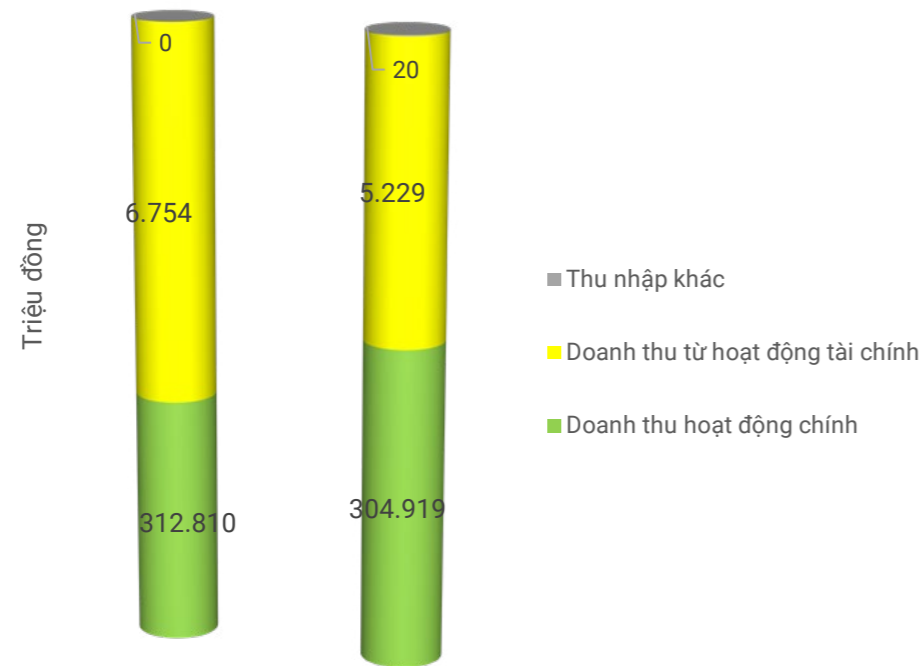


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu tổng doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu hoạt động chính	312.810	97,89%	304.919	98,31%	-2,52%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	6.754	2,11%	5.229	1,69%	-22,59%
Thu nhập khác	0	0,00%	20	0,01%	-
Tổng doanh thu	319.564	100,00%	310.168	100,00%	-2,94%

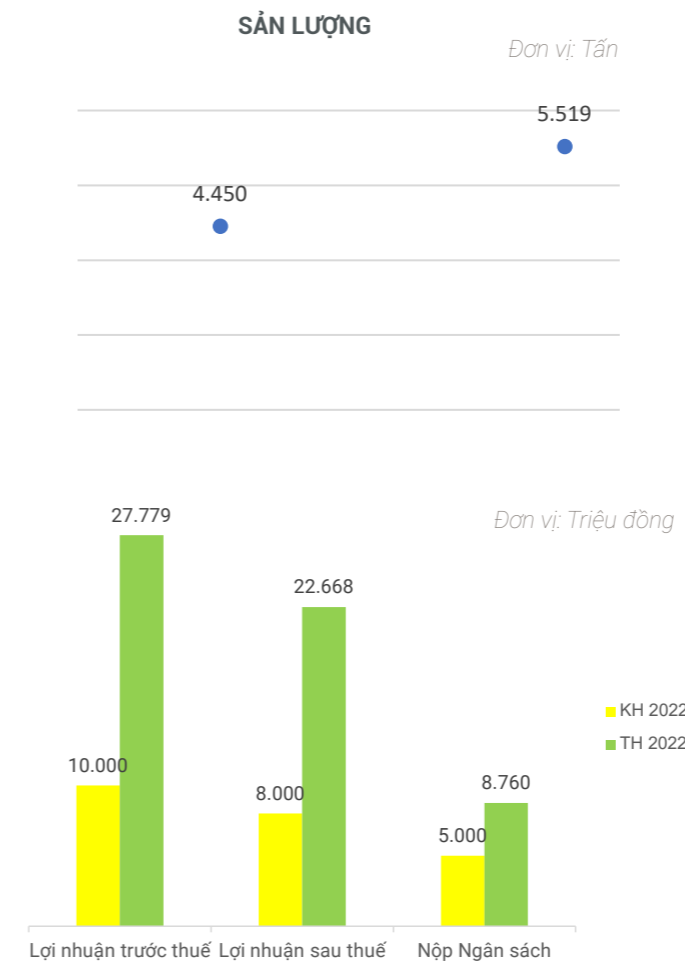


Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022 bị tác động tiêu cực khi giá nguyên liệu đầu vào của ngành chăn nuôi heo như: ngô, đậu tương, lúa mì, cám đều tăng giá mạnh do chiến sự giữa Nga - Ukraine đã làm tắt nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu. Cùng với đó, giá heo thương phẩm giảm mạnh do tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn và sức tiêu thụ trên thị trường thịt heo giảm. Vì vậy, kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận doanh thu

hoạt động chính giảm nhẹ 2,52% so với năm 2021 chiếm 98,31% trong cơ cấu tổng doanh thu, với sản lượng tiêu thụ 5.519 tấn heo thịt. Về doanh thu tài chính ghi nhận giá trị 5.229 triệu đồng trong khi cùng kỳ ghi nhận 6.754 triệu đồng. Ngoài ra trong năm nay, Công ty còn phát sinh thêm thu nhập khác 20 triệu đồng, trong khi cùng kỳ không ghi nhận khoản mục này.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2022	TH 2022	TH 2022/KH 2022
Sản lượng	Tấn	4.450	5.519	124,02%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	231.675	310.168	133,88%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.000	27.779	277,79%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.000	22.668	283,35%
Nộp Ngân sách	Triệu đồng	5.000	8.760	175,20%



Tuy năm 2022, Công ty đối mặt với nhiều khó khăn khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao do tác động của cuộc chiến tranh Nga - Ukraina. Đồng thời, nhu cầu tiêu thụ thịt heo thương phẩm giảm mạnh đã tác động đến giá sản phẩm tiêu thụ của Công ty. Nhưng với nỗ lực của ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua năm 2022.

Sản lượng tiêu thụ của Công ty đạt 5.5519 tấn vượt 24,02% kế hoạch, mức tổng doanh thu cũng hoàn thành xuất sắc khi vượt 33,88% kế hoạch. Năm 2022, Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước 8.760 triệu đồng hoàn thành 175,20% kế hoạch.

Trong năm 2022, Công ty đã nộp vào kho bạc nhà nước số tiền 5.885 triệu đồng sau khi có yêu cầu kê khai và nộp tiền theo Biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019 và Biên bản Thanh tra của Bộ Tài chính ngày 02/06/2022.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Diên Tường	Giám đốc - Phó Chủ tịch HĐQT	1.500.000	14,61%	13.400	0,13%
2	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc - thành viên HĐQT	1.500.000	14,61%	67.800	0,66%
3	Đình Ngọc Mến	Kế toán trưởng - thành viên HĐQT	-	-	3.400	0,03%

Ông Nguyễn Diên Tường

Giám đốc - Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 03/02/1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kỹ thuật

Quá trình công tác:

- 03/1982 - 05/1994 : Cán bộ tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 06/1994 - 08/2005 : Phó Giám đốc tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 - 04/2007 : Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 05/2007 - nay : Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VDL;
- Sở hữu cá nhân: 13.400 cổ phần, chiếm 0,13% VDL.

Ông Trần Minh Phương

Phó Giám đốc - Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 16/12/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 08/1984 - 09/1987 : Nhân viên tại Công ty Kinh doanh Lương thực tỉnh Đồng Nai
- 10/1987 - 08/2005 : Nhân viên Kế toán tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 09/2005 - 09/2006 : Kế toán Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 10/2006 - 04/2019 : Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 - nay : Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VDL;
- Sở hữu cá nhân: 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VDL.

Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 09/01/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 04/2004 - 09/2005 : Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
- 10/2005 - 05/2016 : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 06/2016 - 04/2019 : Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
- 04/2019 - nay : Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VDL.

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022

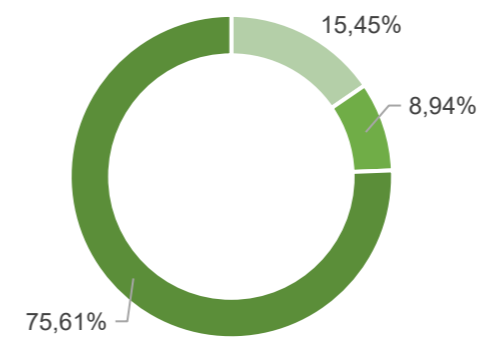
Không có



Số lượng cán bộ công nhân viên (tính đến ngày 31/12/2022)

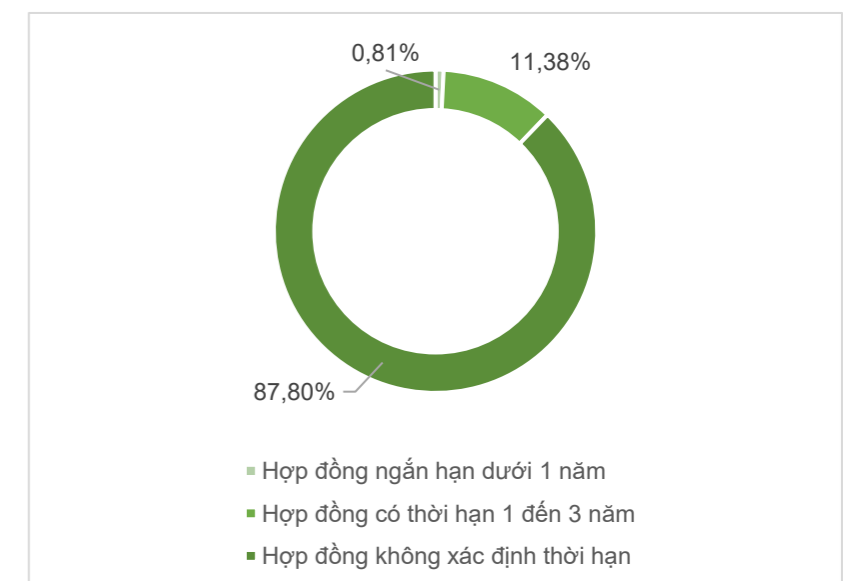
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	123	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	19	15,45
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	11	8,94
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	0	0,00
4	Lao động phổ thông	93	75,61
II	Theo thời hạn HĐLĐ	123	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	1	0,81
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	14	11,38
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	108	87,80
III	Theo giới tính	123	100
1	Nam	112	91,06
2	Nữ	11	8,94

Theo trình độ lao động



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Theo loại hợp đồng lao động



- Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm
- Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm
- Hợp đồng không xác định thời hạn

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty với chủ trương tạo điều kiện giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp thông qua công tác đào tạo và phát triển nguồn lực. Cán bộ công nhân viên của Dolico đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo tính chất công việc của từng bộ phận, đồng thời Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nội bộ. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích nhân viên học hỏi lẫn nhau trong quá trình công tác. Từ đó, mang lại nhiều lợi ích ở hiện tại và tương lai của Dolico.

Về tuyển dụng

Nhân sự là yếu tố quan trọng quyết định đến thành công của Công ty. Với nguyên tắc tuyển dụng "đúng người – đúng thời điểm", Dolico đánh giá tình hình Công ty, nhu cầu tiêu chuẩn từng thời điểm để chọn lựa cá nhân tốt nhất nhằm đảm bảo tốt chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Tùy theo tính chất công việc mà Dolico có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, với các chức danh đều đáp ứng yêu cầu tối thiểu: có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao. Chính sách tuyển dụng luôn được xem xét trên quan điểm công bằng, minh bạch.

Môi trường công việc

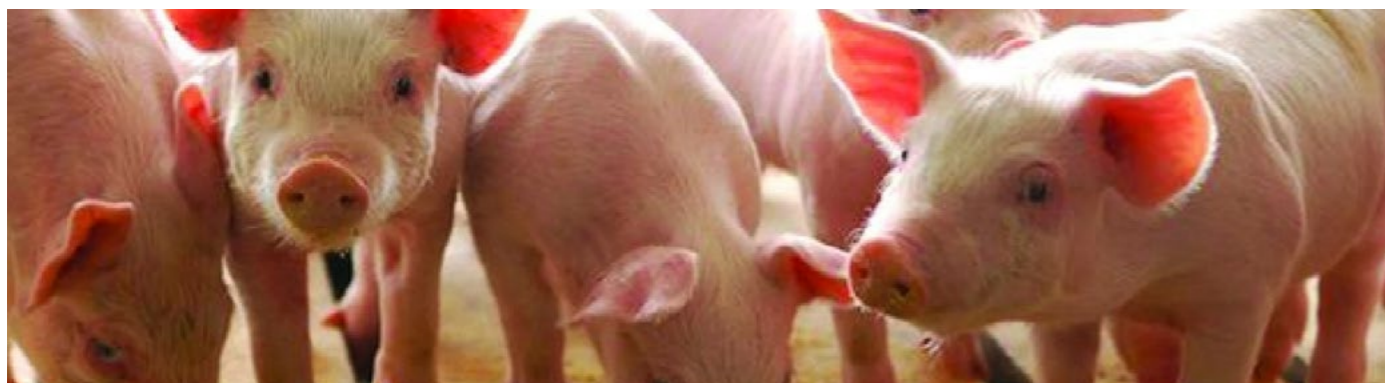
Dolico với văn hóa doanh nghiệp làm việc chuyên nghiệp, năng động, cạnh tranh lành mạnh. Nhân sự mới sẽ được hướng dẫn thích nghi với văn hóa Công ty và nắm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của bản thân trong môi trường chung để làm việc một cách thoải mái. Công ty luôn có những chính sách quản lý nhân sự công bằng, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các nhân viên với nhau, từ đó nâng cao năng suất lao động, đưa Dolico phát triển bền vững trong tương lai.

Về lương, thưởng

Chính sách lương, thưởng giúp nhân viên ổn định đời sống. Dolico xây dựng quy chế lương, thưởng rõ ràng, chính sách tăng lương theo năng lực, cấp bậc, thâm niên. Công ty nỗ lực nâng mức thu nhập của cán bộ công nhân viên cạnh tranh với các Công ty khác trong ngành. Chế độ tiền lương của Dolico đảm bảo công bằng, hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất, chất lượng của từng nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng chính sách lương thưởng nhằm động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình vì sự phát triển của Dolico.

Về phúc lợi, đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ luôn được Công ty liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa Dolico. Công ty luôn thực hiện chi trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng thời gian quy định. Tất cả người lao động trong Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,... Các hoạt động thể thao, văn nghệ, tổ chức chúc mừng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên, các hoạt động vì cộng đồng,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Các khoản đầu tư mới:

STT	Dự án đầu tư	Giá trị đầu tư trong năm 2022 (đồng)
1	Mua xe nâng TOYOTA 8FD-2,5 tấn xưởng CBTP	190.000.000
2	Mua máy Photocopy Canon IR2625i (Văn phòng Công ty)	43.978.000
3	Thanh lý TSCĐ cửa hàng số 1 bàn giao đất lại cho Nhà nước theo QĐ 2739/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai (*)	198.900.000

(*) Trong năm 2022, Công ty đã thanh lý, bàn giao cho Nhà nước 03 khu đất với tổng diện tích 45,895,5m² tại các địa chỉ: tại phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thửa số 197 Tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 487,5 m² (Quyết định 2739/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai), tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, thửa số 326 Tờ bản đồ địa chính số 34 với diện tích 21.582 m² (Quyết định 1867/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai), và Thửa số 221 Tờ bản đồ địa chính số 18 xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 23.826 m² (Quyết định 2706/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai).

Các Công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai không có Công ty con, Công ty liên kết.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	257.574	214.137	-16,86%
2	Doanh thu thuần	312.810	304.919	-2,52%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	71.275	27.779	-61,03%
4	Lợi nhuận khác	0	-705	-
5	Lợi nhuận trước thuế	71.275	27.073	-62,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	60.245	22.668	-62,37%
7	Tỷ lệ cổ tức	49,3%	11,76%	-

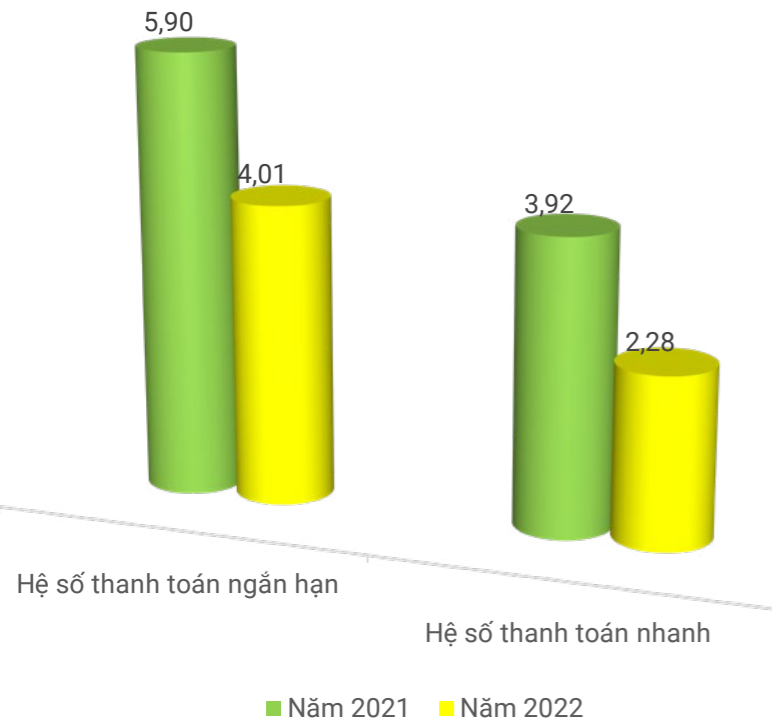
Năm 2022, trước diễn biến khó lường của cuộc chiến tranh Nga - Ukraina đã tác động đến cung cầu thị trường của các sản phẩm đầu vào của ngành chăn nuôi như bắp, cám gạo, khô đậu nành,... khiến giá các mặt hàng này leo thang. Thêm vào đó thị trường tiêu thụ heo ghi nhận lượng cầu sụt giảm gây điều chỉnh giá heo đầu ra của Công ty. Trước những khó khăn trên, sụt giảm trong doanh thu thuần của Công ty ở mức 2,52% đạt giá trị 304.919 triệu đồng. Các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty đều ghi nhận giảm hơn 50%. Trong năm, Công ty có đợt phân phối lợi nhuận năm 2021 bằng tiền mặt với 4.940 đồng/cổ phiếu và ứng trước lợi nhuận 2022 với 1.000 đồng/cổ phiếu.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,90	4,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,92	2,28
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,64	18,38
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,47	22,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,18	4,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,14	1,29
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	19,26	7,43
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	24,80	11,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	21,97	9,61
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	22,79	9,11

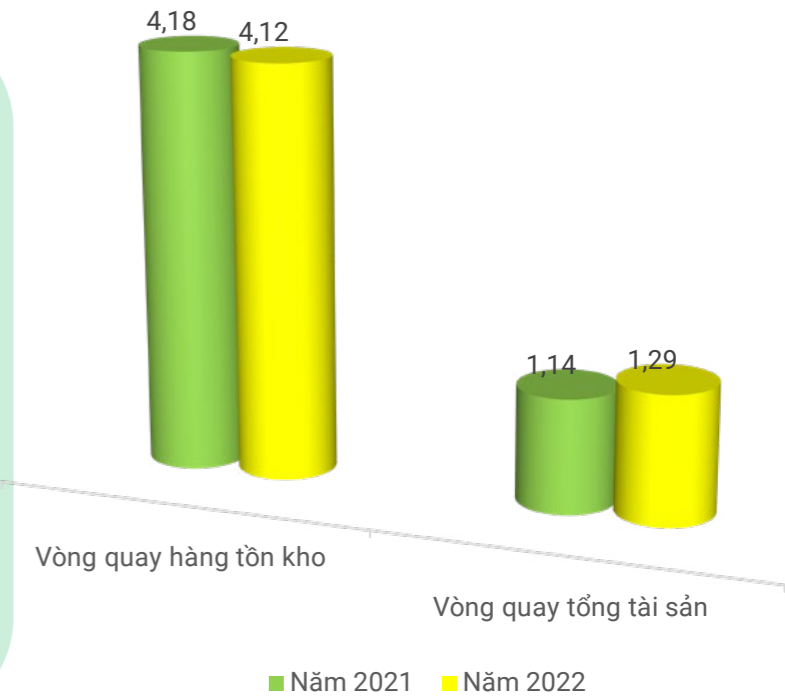
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2022 đạt 4,01 lần giảm so với mức 5,90 lần năm 2021. Nguyên nhân đến từ lượng tiền gửi kỳ hạn 06 tháng giảm mạnh đến 31.500 triệu đồng do Công ty chi trả cổ tức cao trong năm 2022. Cùng với đó, nợ ngắn hạn của Công ty cũng gia tăng từ khoản cổ tức ứng trước 2022 là 10% chưa được thanh toán cho cổ đông và khoản phải trả người bán đến từ bạn hàng là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô. Diễn biến của hàng tồn kho không có nhiều thay đổi, cho nên chỉ số thanh toán nhanh của Công ty cũng điều chỉnh tương ứng như hệ số thanh toán ngắn hạn với giá trị ghi nhận là 2,28 lần giảm so với mức 3,92 lần năm 2021.

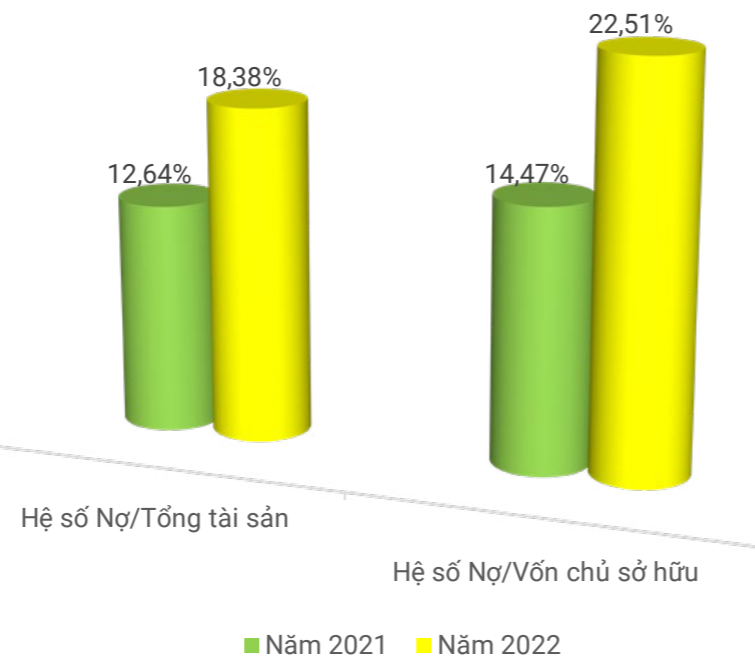
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giữ mức ổn định, đạt 4,12 năm 2022 so với mức 4,18 năm 2021, lượng hàng tồn kho của Dolico chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được phản ánh từ đàn heo chưa đến thời gian xuất chuồng của Công ty. Dolico hiện có vòng quay tổng tài sản là 1,29 trong năm 2022 tăng nhẹ so với mức 1,14 năm 2021. Lý giải cho điều này đến từ công tác thoái vốn của Nhà nước chậm hơn dự kiến và kéo dài đã ảnh hưởng đến việc đầu tư mở rộng tăng quy mô của Công ty khi tính đến thời điểm 31/12/2022 tài sản của Công ty ghi nhận giảm đến 16,86% so với cùng kỳ.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản năm 2022 tăng lên mức 18,38% từ mức 12,64% năm 2021. Giải thích cho điều này tương tự như chỉ tiêu khả năng thanh toán. Trong khi đó tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 14,47% lên 22,51% trong năm 2022, nguyên nhân đến từ khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm mạnh, khi trong năm Công ty có kết quả kinh doanh không mấy thuận lợi và đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông từ khoản lợi nhuận 2021 và ứng trước lợi nhuận 2022.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Với sức ép đến từ 2 phía - đầu vào và đầu ra, đã tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022 khi các chỉ số sinh lời đều giảm mạnh. Cụ thể, Hệ số ROS, ROEA, ROAA, Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần của Công ty năm 2022 lần lượt đạt 7,43%, 11,34%, 9,61%, 9,11% giảm mạnh so với năm 2021 ở mức 19,26%, 24,80%, 21,97%, 22,79% do tác động từ cuộc chiến tranh Nga - Ukraina đã gây khó khăn cho chuỗi cung ứng toàn cầu khiến giá nguyên liệu tăng trong khi nhu cầu thị trường heo thương phẩm trong nước giảm sút.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- » Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.263.942 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.263.942 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- » Loại cổ phần: phổ thông
- » Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	10.263.942	102.639.420.000	100%
1	Cá nhân	1.590.900	15.909.000.000	15,50%
2	Tổ chức	8.673.042	86.730.420.000	84,50%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	10.263.942	102.639.420.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Một thành viên Công ty TNHH	8.654.142	84,32%
Lê Thị Khánh Xương	810.000	7,89%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Phương thức phát hành
2010	34.213 triệu đồng	68.426 triệu đồng	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1
2016	34.213 triệu đồng	102.639 triệu đồng	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 2:1

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Tác động lên môi trường

Môi trường xanh sạch đẹp không chỉ ảnh hưởng trực tiếp sức khỏe của đàn heo mà còn có vai trò vô cùng quan trọng với đời sống của người dân địa phương. Nhận thức được tầm quan trọng, Dolico luôn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Công ty luôn chủ động kiểm soát, xử lý chất thải chăn nuôi, giữ vững được an toàn sinh học, tăng cường sức khỏe đàn giống. Công ty luôn cố gắng hạn chế tối đa mùi phát tán ra môi trường bên ngoài chuồng trại thông qua việc đầu tư xây dựng khuôn viên chuồng bài bản, có hệ thống thu gom xử lý chất thải đồng bộ, đầu tư hệ thống làm mát, hệ thống hút gió, hút mùi,... Ngoài ra, Dolico còn hạn chế sử dụng các sản phẩm từ túi nilon, sử dụng sản phẩm tái chế, tiết kiệm điện và trồng nhiều cây xanh.

Cùng với đó, Công ty luôn khuyến khích toàn bộ người lao động tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường như đảm bảo xử lý chất thải tại nơi làm việc, nơi sinh sống.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2022, Công ty luôn chấp hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Dolico luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ các cam kết và quy định trong công tác bảo vệ môi trường, hướng đến hình ảnh thân thiện với môi trường. Đồng thời Công ty luôn tuyên truyền cán bộ công nhân viên có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường tại Công ty và địa bàn sinh sống.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Dolico luôn có ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng xung quanh địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông. Tại địa bàn tỉnh Đồng Nai, hằng năm Công ty luôn tích cực tham gia các phong trào, chương trình hỗ trợ đời sống của UBND, Sở và các ban ngành khác tổ chức. Đồng thời, Công ty thường tổ chức các hoạt động cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; viếng thăm, tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nhằm tạo bình đẳng cho mọi người có cơ hội thăng tiến trong công việc, Công ty đã có chủ trương xây dựng chính sách nhân sự rõ ràng, minh bạch. Công ty luôn có những chính sách lương, thưởng, thăng chức phù hợp với nỗ lực và thành tích mà nhân viên đã làm được. Dolico luôn duy trì khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Công ty luôn đảm bảo ký hợp đồng lao động đầy đủ, trả lương đúng hạn và được hưởng chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật cho toàn thể người lao động.

Bên cạnh đó, Dolico luôn chú trọng đến đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể người lao động, tạo môi trường tốt, từ đó giúp nhân viên có cuộc sống ổn định và hạnh phúc.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Dolico rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	126	127	127	123
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.800.000	12.780.000	12.780.000	14.500.000

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Một số thuận lợi, khó khăn của Công ty được Ban Giám đốc nhìn nhận như sau:

Thuận lợi

- » Dịch covid 19 đã qua đi, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quay trở lại bình thường;
- » Được sự quan tâm, hỗ trợ, chỉ đạo từ phía công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai;
- » Sự chủ động của HĐQT và BKS trong công tác điều hành, quản lý, giám sát, sản xuất, chăm lo cuộc sống cán bộ công nhân viên.
- » Có lượng khách hàng truyền thống ổn định.

Khó khăn

- » Nguyên liệu đầu vào tăng mạnh như ngô, lúa mì, đậu tương, ...gây áp lực lên chi phí, giá vốn, lợi nhuận của Công ty;
- » Nhu cầu tiêu dùng thịt heo trong năm giảm đã ảnh hưởng đến giá heo đầu ra của Công ty;
- » Diễn biến thời tiết khá phức tạp, khiến nguy cơ dịch bùng phát trở lại cao làm chi phí phòng dịch tăng lên;
- » Mật độ dân số tại các đơn vị trại nuôi ngày một gia tăng, ảnh hưởng đến các quy hoạch về hệ thống nước thải;
- » Chi phí vận chuyển thức ăn, dự trữ nguyên liệu, kiểm tra đôn đốc, giám sát,... tăng cao do địa bàn rộng, các trại chăn nuôi cũng tăng cao;
- » Vấn đề an ninh trật tự và bảo vệ tài sản tại các cơ sở chăn nuôi khá phức tạp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

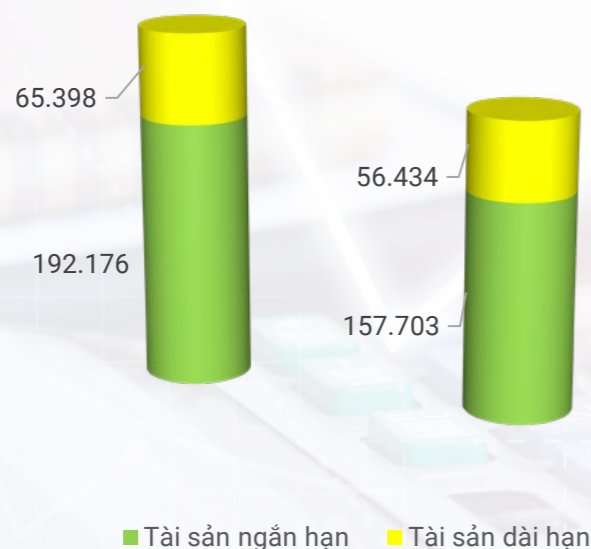
Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	192.176	74,61%	157.703	73,65%	-17,94%
Tài sản dài hạn	65.398	25,39%	56.434	26,35%	-13,71%
Tổng tài sản	257.574	100,00%	214.137	100,00%	-16,86%

Nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	32.555	12,64%	39.348	100,00%	20,87%
Nợ dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	
Tổng nợ phải trả	32.555	12,64%	39.348	100,00%	20,87%

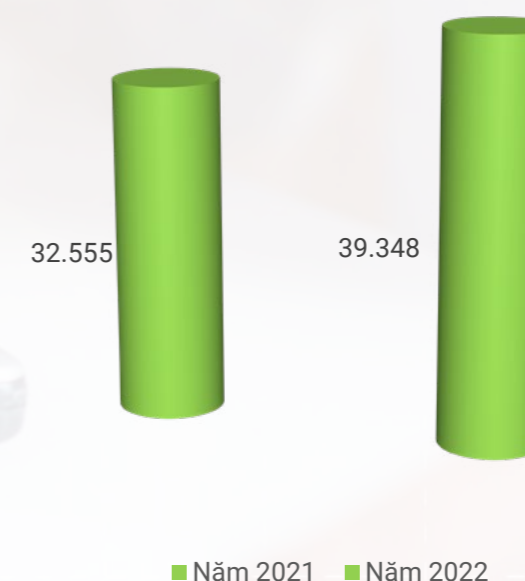
Tính đến thời điểm 31/12/2022, Dolico ghi nhận tổng tài sản đạt 214.137 triệu đồng, giảm 16,86% so với năm 2021 do giảm sút lượng tiền gửi kỳ hạn 06 tháng từ 114.000 triệu đồng về còn 82.500 triệu đồng.



Sụt giảm tài sản ngắn hạn trong năm 2022 đạt tỷ lệ 17,94%, đạt 157.703 chủ yếu do hoạt động sản xuất kinh doanh không thuận lợi khi lợi nhuận sau thuế giảm 62,37% cộng với việc trong năm Công ty thực hiện trả cổ tức 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ lên đến 49,3%/mệnh giá, do đó lượng tiền và khoảng tiền gửi ngân hàng của Công ty giảm mạnh.

Năm 2022, Công ty không đầu tư thêm tài sản cố định có giá trị, thêm vào đó vẫn tiếp tục khấu hao khoản mục tài sản này. Vì vậy, ghi nhận giảm 13,71% trong tài sản dài hạn, đạt 56.434 triệu đồng. Ngoài ra, với dự định thoái vốn và chỉ định của công ty mẹ đã làm hạn chế việc mở rộng đầu tư vào sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mức tăng nợ phải trả năm 2022 đạt 20,87%, đạt 39.348 triệu đồng chủ yếu do mức phải trả ngắn hạn khác tăng 10.264 triệu đồng. Điều này được giải thích do cổ tức ứng trước, lợi nhuận phân phối với tỷ lệ 10%/mệnh giá chưa được thanh toán cho nhà đầu tư và đang được ghi nhận như một khoản nợ ngắn hạn. Vì Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính từ nợ dài hạn, cho nên mức nợ vay ngắn hạn cũng chính là tổng nợ phải trả.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

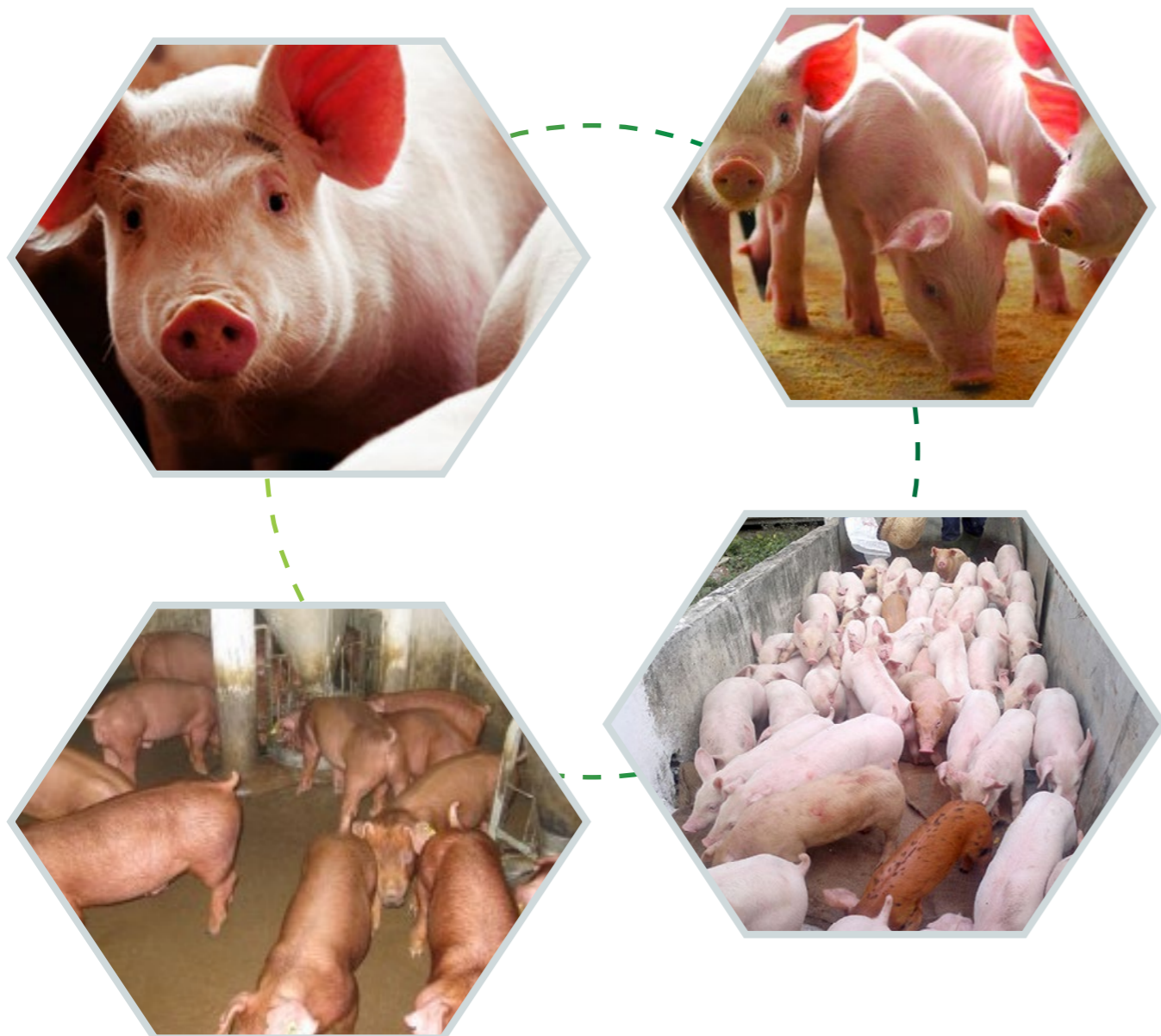
Năm 2022, công tác tổ chức của bộ máy quản lý ngày càng được chuẩn hóa và hoàn thiện hơn. Công ty luôn nỗ lực rà soát, đánh giá hiện trạng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban.

Công tác đào tạo được chú trọng, đặc biệt là năng lực quản trị của các lãnh đạo cấp trung và cao. Ban lãnh đạo Công ty luôn có những chính sách nhằm tối thiểu hóa chi phí một cách phù hợp và kịp thời, từ đó nâng cao năng suất lao động của cán bộ công nhân viên.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tiếp tục tối ưu biện pháp phòng tránh dịch bệnh ở vật nuôi, tránh rủi ro có thể xảy ra
- Nỗ lực hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra
- Cải thiện thu nhập, đảm bảo quyền lợi cho nhân viên
- Nộp ngân sách cho Nhà nước đầy đủ theo quy định
- Đảm bảo công tác an ninh, tránh tổn thất tài sản, an toàn lao động, công tác phòng cháy chữa cháy được quan tâm
- Nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân viên tránh gây lãng phí, thất thoát trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào tình hình nội tại và dự báo thị trường, Dolico xây dựng chỉ tiêu kế hoạch như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng heo thịt	Tấn	4.800
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	255.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.350
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	4.690

Các giải pháp thực hiện:

- Thực hiện nghiêm túc công tác thực hiện biện pháp an toàn sinh học, công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc;
- Áp dụng các biện pháp kinh tế kỹ thuật tiên tiến, phát huy cải tiến trong sản xuất để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt, có lợi thế cạnh tranh.
- Đẩy mạnh công tác marketing, bán hàng để nâng cao doanh số và lợi nhuận;
- Đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, thực hiện tốt vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ, đảm bảo thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện tốt công tác chăm cho đời sống lao động, đảm bảo công ăn việc làm và ổn định thu nhập cho nhân viên.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động quản lý môi trường trong chăn nuôi là một khía cạnh quan trọng để đảm bảo sự khoẻ mạnh và sinh trưởng tốt cho đàn gia súc, giữ môi trường sạch và an toàn cho cộng đồng và mọi người xung quanh. Dolico đã có các công tác kiểm tra và giải quyết các nguồn ô nhiễm, tối ưu hóa sử dụng và quản lý nguồn nước, đảm bảo sạch và vận chuyển an toàn của thức ăn và chất thải nhằm hạn chế những tác động từ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng khuyến khích người lao động có ý thức bảo vệ môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là yếu tố vô cùng quan trọng trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Hiểu được vấn đề đó, Ban lãnh đạo Dolico đã luôn chú trọng đến việc thu hút nhân tài có trình độ chuyên môn cao. Tại Công ty có môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp, thường xuyên có những khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên. Nhằm tạo động lực làm việc, nâng cao năng suất lao động cho nhân viên, Công ty đã duy trì các chính sách lương thưởng tương xứng với nỗ lực và kết quả đã đạt được. Hằng năm, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được tham gia khám sức khỏe đầy đủ. Đồng thời, để nhân viên có tinh thần làm việc tốt và có sự gắn kết nội bộ, Công ty đã tổ chức các đợt tham quan, du lịch.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong kinh doanh, ngoài yếu tố lợi nhuận, Dolico còn quan tâm đến các mục tiêu, chính sách liên quan đến cộng đồng địa phương. Dolico luôn nỗ lực vận động người lao động, chính quyền địa phương cùng tham gia các hoạt động thiện nguyện, thăm hỏi những gia đình có công với cách mạng, chính sách, có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Trên đại bàn tỉnh Đồng Nai, Công ty đã thực hiện các hoạt động gây quỹ từ thiện, trao học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích học tập tốt.



CHƯƠNG

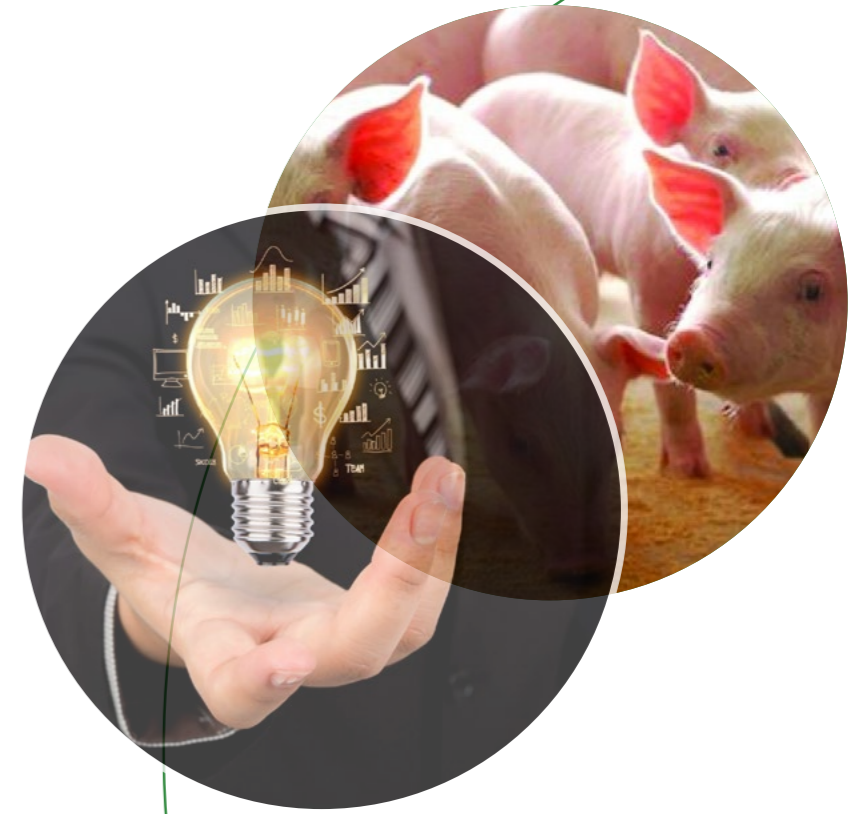
04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt
động của Ban Tổng giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh chính là chăn nuôi heo, nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường
- Có những biện pháp nhằm giảm thiểu chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó cải thiện lợi nhuận cho Công ty
- Đưa ra những giải pháp kịp thời trong công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn heo để linh hoạt giải quyết và xử lý các yêu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác tài chính

- Tích cực phối hợp cùng Ban Kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo an toàn về mặt tài chính và thu hiệu quả cho cổ đông.
- Thực hiện đúng quy định pháp luật, minh bạch, rõ ràng, chủ động và linh hoạt giải quyết các vấn đề về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Từ đó, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và bảo đảm an toàn vốn cho hoạt động kinh doanh của Dolico.

Công tác nhân lực

- Người lao động trong Công ty được HĐQT cùng với Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ nhân viên của Dolico luôn được chăm lo về vật chất lẫn tinh thần.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện nội bộ, có những chế độ ưu đãi, lương, thưởng để thu hút người lao động có trình độ, chuyên môn đảm bảo phục vụ lâu dài cho Công ty.
- Động viên, khuyến khích người lao động phát triển bản thân không ngừng nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn.

Công tác thị trường xây dựng thương hiệu

- Mở rộng thị trường tiêu thụ tại các địa bàn lân cận quanh khu vực Đông Nam Bộ và các tỉnh miền Tây Nam Bộ.
- Khách hàng mua sản phẩm của Dolico luôn có những chính sách, ưu đãi phù hợp với chính sách bán hàng của Công ty.
- Tăng cường công tác marketing, bán hàng, quảng cáo qua các website, báo đài, truyền hình, các hội thảo, diễn đàn chăn nuôi.

Công tác môi trường

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, xử lý nước thải theo đúng quy định của Pháp luật.
- Duy trì và tăng cường diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn để tạo sự thông thoáng, cải thiện điều kiện khí hậu, ngăn bụi và giảm thiểu tiếng ồn.
- Tích cực tuyên truyền, nâng cao ý thức của người lao động qua các hoạt động truyền thông và đào tạo nội bộ.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Giám Đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Năm 2022, hoạt động kinh doanh của Dolico gặp nhiều khó khăn do biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào và giá sản phẩm đầu ra không ổn định. Nhưng Ban Giám đốc công ty đã nỗ lực khắc phục, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời

và có nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn thách thức. Ban Giám đốc đã sử dụng tối ưu hóa nguồn vốn và cơ sở vật chất hiện có, đặc trọng tâm vào sự phát triển của chăn nuôi của đơn vị.

Công ty thực hiện công tác quản trị điều hành chỉ đạo các cơ sở ổn định sản xuất kinh doanh sau giai đoạn dịch covid 19 nhằm đưa Công ty phát triển bền vững trong tương lai.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- » Nâng cao năng suất, chất lượng công tác quản trị công ty bằng những giải pháp tối ưu
- » Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
- » Tập trung chỉ đạo tận dụng tối đa nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, khó khăn để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
- » Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty về hoạt động của HĐQT
- » Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, kịp thời định hướng và điều chỉnh hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Giám đốc



CHƯƠNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2022)

Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	4.154.142	40,47%	0	0,00%
Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	1.500.000	14,61%	13.400	0,13%
Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT	1.500.000	14,61%	67.800	0,66%
Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	0	-	3.400	0,03%
Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	0	0,00%	35.600	0,35%

Ông ĐÌNH VĂN HỒNG – Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 4.154.142 cổ phần, chiếm 40,47% VĐL
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông NGUYỄN DIÊN TƯỜNG – Phó Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL
- Sở hữu cá nhân: 13.400 cổ phần, chiếm 0,13%

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông TRẦN MINH PHƯƠNG – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL
- Sở hữu cá nhân: : 67.800 cổ phần, chiếm 0,66% VĐL

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông ĐÌNH NGỌC MẾN – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Ông LÂM HÙNG PHƯƠNG – Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 35.600 cổ phần, chiếm 0,35% VĐL

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm:

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Ban hành kịp thời các Quyết định, Nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng Điều lệ, Quy chế, Quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật;
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các buổi họp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo;
- Trong năm 2022, giá bán thành phẩm tiêu dùng không tăng, nhu cầu và giá thành nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên đã phấn đấu vượt qua giai đoạn khó khăn này, đạt được hiệu quả cao về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2022.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
3	Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	4/4	100%
5	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	4/4	100%

Các Nghị quyết ban hành trong năm

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	30/03/2022	Thông nhất kết quả hoạt động SXKD năm 2021, dự ước thực hiện quý 1 năm 2022, kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, xác định tỷ lệ sở hữu vốn người nước ngoài tại Công ty
2	02/NQ-HĐQT	20/05/2022	Thông qua kết quả SXKD quý I năm 2022, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý II năm 2022, Thông nhất chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	03/NQ-HĐQT	16/09/2022	Thông qua kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2022, kế hoạch và các giải pháp thực hiện quý III năm 2022
4	04/NQ-HĐQT	30/11/2022	Thông qua kết quả SXKD 09 tháng đầu năm 2022, kế hoạch và các giải pháp

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát (tại ngày 31/12/2022)

Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
		Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban kiểm soát	0	0,00%	1.200	0,01%
Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	1.500.000	14,61%	0	0,00%
Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	0	0,00%	0	0,00%

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm: Không có

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với bộ phận pháp chế của Công ty để góp ý xây dựng và ban hành các quy chế quản trị cũng như thường xuyên kiểm tra, rà soát tính tuân thủ của các bộ phận chuyên môn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Hoàng Ngọc Long	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%
2	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%

Nội dung và các kết quả cuộc họp

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	30/3/2022	Rà soát số liệu BCTC năm 2021, lập báo cáo của BKS trình ĐHQĐ thường niên năm 2022.
2	02/BKS	16/9/2022	Rà soát số liệu BCTC 6 tháng năm 2022.
3	03/BKS	30/11/2022	Rà soát số liệu BCTC 9 tháng năm 2022



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng, thu nhập
1	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	90.000.000
2	Nguyễn Diên Tường	Giám đốc/ Phó Chủ tịch HĐQT	903.768.254
3	Trần Minh Phương	Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT	674.838.248
4	Đình Ngọc Mến	Thành viên HĐQT	519.168.237
5	Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	73.000.000
6	Hoàng Ngọc Long	Trưởng ban BKS	378.928.415
7	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS	64.000.000
8	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS	56.000.000
Tổng cộng			2.759.703.154

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai – Dolico luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Đồng thời, Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu

quả hoạt động. Để đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh, Dolico cũng luôn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc trong công bố thông tin do các cơ quan pháp luật quy định.

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch
Ông Trần Minh Phương	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Mến	Thành viên
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Diên Tường	Giám đốc
Ông Trần Minh Phương	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Long	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Diên Tường

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Số: 290323.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2020-002-1

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		157.702.985.658	192.176.060.698
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	5.559.610.162	9.966.923.274
111	1. Tiền		3.559.610.162	966.923.274
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	82.500.000.000	114.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		82.500.000.000	114.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.801.506.469	3.619.988.231
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	180.000.000	180.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	150.727.778	85.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.596.778.691	3.444.988.231
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(126.000.000)	(90.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	09	67.841.869.027	64.589.149.193
141	1. Hàng tồn kho		67.841.869.027	64.589.149.193
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		56.434.450.809	65.398.389.452
220	II. Tài sản cố định		35.563.478.580	43.844.654.137
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	25.207.593.629	32.845.184.509
222	- Nguyên giá		110.147.687.719	110.112.609.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(84.940.094.090)	(77.267.425.210)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.355.884.951	10.999.469.628
228	- Nguyên giá		15.019.256.267	15.019.256.267
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.663.371.316)	(4.019.786.639)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	-	315.579.556
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	315.579.556
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.030.000.000	1.030.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.840.972.229	20.208.155.759
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	19.840.972.229	20.208.155.759
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		214.137.436.467	257.574.450.150

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		39.348.302.158	32.554.737.112
310	I. Nợ ngắn hạn		39.348.302.158	32.554.737.112
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.776.585.596	2.454.105.001
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	519.887.442	358.789.480
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	438.418.377	2.130.983.045
314	4. Phải trả người lao động		9.956.233.867	10.341.065.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	279.033.995	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.355.763.070	6.010.271.158
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.022.379.811	11.259.522.829
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.789.134.309	225.019.713.038
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	174.369.134.309	224.389.713.038
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.639.420.000	102.639.420.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.769.264.978	61.733.522.600
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.960.449.331	60.016.770.438
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9.960.449.331	60.016.770.438
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		420.000.000	630.000.000
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		420.000.000	630.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>214.137.436.467</u>	<u>257.574.450.150</u>

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

Đình Ngọc Mến
Kế toán trưởng

Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	304.919.205.950	312.809.536.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		304.919.205.950	312.809.536.000
11	4. Giá vốn hàng bán	22	272.832.146.089	236.953.560.616
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.087.059.861	75.855.975.384
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	5.228.869.538	6.754.446.849
22	7. Chi phí tài chính	24	-	(149.437.634)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	6.060.002	37.847.500
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.531.279.937	11.446.627.502
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.778.589.460	71.275.384.865
31	11. Thu nhập khác	27	20.145.455	-
32	12. Chi phí khác	28	725.411.823	-
40	13. Lợi nhuận khác		(705.266.368)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.073.323.092	71.275.384.865
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.405.460.987	11.030.614.427
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>22.667.862.105</u>	<u>60.244.770.438</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.186	4.933

Phan Thị Hiền Nhi
Người lập

Đình Ngọc Mến
Kế toán trưởng

Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.073.323.092	71.275.384.865
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.249.002.149	9.096.822.885
03	- Các khoản dự phòng		36.000.000	(60.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(637.198)	562.366
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.248.377.795)	(6.754.446.849)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		315.579.556	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.424.889.804	73.558.323.267
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(72.783.864)	(125.328.398)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.252.719.834)	(15.674.285.042)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.608.080.496)	1.125.840.614
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		367.183.530	(1.149.185.838)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.030.614.427)	(13.271.969.596)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.788.785.610)	(6.614.827.135)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.039.089.103	37.848.567.872
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(376.302.050)	(72.900.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		20.145.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(211.000.000.000)	(287.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		242.500.000.000	316.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.010.351.242	7.487.777.255
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		36.154.194.647	36.414.877.255
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(50.601.234.060)	(85.890.662.832)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.601.234.060)	(85.890.662.832)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.407.950.310)	(11.627.217.705)


Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai


Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.966.923.274	21.594.703.345
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		637.198	(562.366)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	5.559.610.162	9.966.923.274


Phan Thị Hiền Nhi
Người lập


Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng


Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 102.639.420.000 đồng; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 123 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 126 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Xây dựng địa ốc;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Bán buôn xe gắn máy;
- Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, tình hình kinh tế xã hội có nhiều khó khăn, sức tiêu thụ sản phẩm heo giảm, điều này làm cho giá bán của heo thịt thương phẩm giảm, dẫn đến doanh thu năm 2022 giảm 7,89 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ giảm 2,52% so với năm 2021. Đồng thời, do ảnh hưởng của chiến sự Nga - Ukraine làm tác động mạnh mẽ đến giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như bắp, đậu nành, cám lúa mì làm cho giá thành sản xuất tăng cao hơn so với năm 2021, dẫn đến giá vốn năm 2022 tăng 35,88 tỷ VND, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 43,77 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 57,7% so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Giá trị đàn heo cơ bản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, Công ty ước tính thời gian phân bổ là 04 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động chăn nuôi và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do Công ty tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	235.836.582	191.898.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.323.773.580	775.024.580
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	9.000.000.000
	5.559.610.162	9.966.923.274

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/năm.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	82.500.000.000	-	114.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	82.500.000.000	-	114.000.000.000	-
	82.500.000.000	-	114.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2022, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 82.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 8,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.030.000.000	1.060.000.000	1.030.000.000	1.050.600.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000.000	1.060.000.000	-	1.050.600.000
	1.030.000.000	1.060.000.000	1.030.000.000	1.050.600.000

(*) Giá trị hợp lý tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022.

Đầu tư vào đơn vị khác: Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	1,00%	1,00%	Thương mại - dịch vụ

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	180.000.000	(126.000.000)	180.000.000	(90.000.000)
	180.000.000	(126.000.000)	180.000.000	(90.000.000)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thiết bị Tổng hợp Giang Nam	142.324.050	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	8.403.728	-	85.000.000	-
	150.727.778	-	85.000.000	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.200.986.302	-	983.105.204	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	112.247.999	-	112.794.640	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	21.046.000	-	21.148.995	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	14.031.000	-	-	-
Tạm ứng	17.000.000	-	13.000.000	-
Phải thu tiền các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước (*)	-	-	2.215.470.774	-
Phải thu khác	231.467.390	-	99.468.618	-
	1.596.778.691	-	3.444.988.231	-

(*) Khoản tiền phải thu các cổ đông về việc nộp ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019. Trong năm, Công ty đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước và giảm lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	180.000.000	54.000.000	180.000.000	90.000.000
	180.000.000	54.000.000	180.000.000	90.000.000

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.692.514.069	-	6.255.179.519	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.149.354.958	-	58.333.969.674	-
	67.841.869.027	-	64.589.149.193	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án xây dựng khu dân cư Dolico xã Thạnh Phú (*)	-	315.579.556
	-	315.579.556

(*) Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc thu hồi diện tích 23.826,0 m² đất do Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai sử dụng để thực hiện dự án khu dân cư Dolico tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí lũy kế phát sinh liên quan đến dự án vào chi phí khác trong kỳ và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá								
Số dư đầu kỳ	93.305.113.628	4.674.106.803	12.133.389.288	110.112.609.719				
- Mua trong kỳ	-	43.978.000	190.000.000	233.978.000				
- Thanh lý, nhượng bán	(198.900.000)	-	-	(198.900.000)				
Số dư cuối kỳ	93.106.213.628	4.718.084.803	12.323.389.288	110.147.687.719				
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu kỳ	65.652.084.311	3.878.482.898	7.736.858.001	77.267.425.210				
- Khấu hao trong kỳ	6.701.252.763	263.833.612	906.482.505	7.871.568.880				
- Thanh lý, nhượng bán	(198.900.000)	-	-	(198.900.000)				
Số dư cuối kỳ	72.154.437.074	4.142.316.510	8.643.340.506	84.940.094.090				
Giá trị còn lại	27.653.029.317	795.623.905	4.396.531.287	32.845.184.509				
Tại ngày đầu kỳ	20.951.776.554	575.768.293	3.680.048.782	25.207.593.629				
Tại ngày cuối kỳ								

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.112.664.751 VND.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Suối Cao và Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 15.009.127.514 VND và 4.663.371.316 VND, khấu hao đã trích trong kỳ là 643.584.677 VND.
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 10.128.753 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị đàn heo cơ bản	15.237.985.787	14.780.686.372
Chi phí thuê đất (*)	4.288.304.300	4.401.554.024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	79.305.625
Chi phí chuồng, trại, chi phí sửa chữa và các chi phí khác tại các trại chăn nuôi	314.682.142	946.609.738
	19.840.972.229	20.208.155.759

(*) Công ty thuê đất tại địa chỉ Khu 3A xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTLĐ/2014 ngày 08/03/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai và phụ lục Hợp đồng thuê đất số 01/PLHĐTLĐ/2018 ngày 01/03/2018 để làm trại chăn nuôi heo, diện tích thuê là 84.892,3 m², thời gian thuê từ tháng 01/2018 đến ngày 28/02/2061. Công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Rico Đồng Nai	1.321.172.000	1.321.172.000	1.064.256.000	1.064.256.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	2.369.327.500	2.369.327.500	795.648.000	795.648.000
Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	325.610.696	325.610.696	451.568.000	451.568.000
Công ty TNHH Đại Hòa	583.530.000	583.530.000	-	-
Phải trả người bán khác	176.945.400	176.945.400	142.633.001	142.633.001
	4.776.585.596	4.776.585.596	2.454.105.001	2.454.105.001

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Ông Đồng Văn Đoàn	13.980.445	327.064.195
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	480.853.500	-
- Người mua trả tiền trước khác	25.053.497	31.725.285
	519.887.442	358.789.480

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.554.545	2.554.545	2.554.545	-	2.554.545	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.030.614.427	4.405.460.987	6.030.614.427	6.030.614.427	-	6.030.614.427	-	-	-	-	405.460.987
Thuế Thu nhập cá nhân	-	100.368.618	1.593.423.165	1.660.834.393	1.660.834.393	-	1.660.834.393	-	-	-	-	32.957.390
Thuế Tài nguyên	-	-	2.289.420	2.289.420	2.289.420	-	2.289.420	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	-	2.754.156.584	2.754.156.584	2.754.156.584	-	2.754.156.584	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-
		2.130.983.045	8.760.884.701	10.453.449.369	10.453.449.369		438.418.377					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Trong năm 2022, Công ty đã thanh lý, bàn giao cho Nhà nước 03 khu đất với tổng diện tích 45,895,5m² tại các địa chỉ: tại phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thửa số 197 Tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 487,5 m² (Quyết định 2739/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai), tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, thửa số 326 Tờ bản đồ địa chính số 34 với diện tích 21.582 m² (Quyết định 1867/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai), và Thửa số 221 Tờ bản đồ địa chính số 18 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 23.826 m² (Quyết định 2706/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai).

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện	279.033.995	-
	279.033.995	-

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Chi tiết		
- Kinh phí công đoàn	67.721.070	67.721.070
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.263.942.000	-
- Phải trả ngân sách nhà nước (*)	-	5.885.731.093
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.100.000	56.818.995
	10.355.763.070	6.010.271.158
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	8.654.142.000	-
	8.654.142.000	-

(*) Khoản tiền phải nộp về ngân sách nhà nước theo biên bản kiểm toán số 490/TB-KTNN KV XIII ngày 30/12/2019. Trong kỳ, Công ty đã nộp vào kho bạc nhà nước số tiền 5.885.731.093 VND sau khi có yêu cầu kê khai và nộp tiền theo Biên bản Thanh tra của Bộ Tài chính ngày 02/06/2022.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	102.639.420.000	61.726.444.013	95.611.338.419	259.977.202.432
Lãi trong kỳ trước	-	-	60.244.770.438	60.244.770.438
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020	-	7.078.587	(7.078.587)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(10.454.597.000)	(10.454.597.000)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	(85.149.662.832)	(85.149.662.832)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	102.639.420.000	61.733.522.600	60.016.770.438	224.389.713.038
Số dư đầu kỳ này	102.639.420.000	61.733.522.600	60.016.770.438	224.389.713.038
Lãi trong kỳ này	-	-	22.667.862.105	22.667.862.105
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2021 ⁽¹⁾	-	35.742.378	(35.742.378)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 ⁽¹⁾	-	-	(9.379.794.000)	(9.379.794.000)
Chia cổ tức năm 2021 ⁽¹⁾	-	-	(50.601.234.060)	(50.601.234.060)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 ⁽²⁾	-	-	(10.263.942.000)	(10.263.942.000)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2022 ⁽³⁾	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
Giảm khác ⁽⁴⁾	-	-	(2.215.470.774)	(2.215.470.774)
Số dư cuối kỳ này	102.639.420.000	61.769.264.978	9.960.449.331	174.369.134.309

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 17/06/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	99,62	60.244.770.438
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (đã chi trả trong năm 2021)	0,38	228.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,06	35.742.378
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,57	9.379.794.000
Chi trả cổ tức (43,9%/vốn điều lệ)	83,99	50.601.234.060

(2) Tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

(3) Tạm trích chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, khoản tiền này sẽ được trình lên Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp sắp tới.

(4) Xóa nợ khoản phải thu các cổ đông của Công ty căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	84,32	86.541.420.000	84,32	86.541.420.000
- Các cổ đông khác	15,68	16.098.000.000	15,68	16.098.000.000
	100	102.639.420.000	100	102.639.420.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	102.639.420.000	102.639.420.000
- Vốn góp cuối kỳ	102.639.420.000	102.639.420.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	741.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	60.865.176.060	85.149.662.832
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	50.601.234.060	85.149.662.832
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm ứng trên lợi nhuận kỳ này	10.263.942.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(50.601.234.060)	(85.890.662.832)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(50.601.234.060)	(85.890.662.832)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	10.263.942.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.263.942	10.263.942
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.769.264.978	61.733.522.600
	61.769.264.978	61.733.522.600

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.867,7 m² để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	867,20	880,40
- Đồng Euro (EUR)	96,78	107,70

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	304.919.205.950	312.809.536.000
	304.919.205.950	312.809.536.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	272.832.146.089	236.953.560.616
	272.832.146.089	236.953.560.616

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.094.232.340	6.724.446.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.000.000	30.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	637.198	-
	5.228.869.538	6.754.446.849
	134.000.000	30.000.000

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 35)

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	562.366
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(150.000.000)
	-	(149.437.634)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	6.060.002	37.847.500
	6.060.002	37.847.500

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.071.006	57.588.251
Chi phí nhân công	5.932.220.867	5.952.519.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.110.236	213.223.791
Chi phí dự phòng	36.000.000	90.000.000
Thuế, phí, và lệ phí	2.508.665.005	4.632.439.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.909.731	393.905.001
Chi phí khác bằng tiền	159.303.092	106.951.539
	9.531.279.937	11.446.627.502

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	20.145.455	-
	20.145.455	-

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	409.832.267	-
Chi phí khác	315.579.556	-
	725.411.823	-

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.073.323.092	71.275.384.865
Các khoản điều chỉnh tăng	725.411.823	562.366
Các khoản điều chỉnh giảm	(134.000.000)	(30.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	27.664.734.915	71.245.947.231
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	22.549.719.922	64.341.500.382
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	5.115.014.993	6.874.446.849
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.405.460.987	11.030.614.427
- Chi phí thuế TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	3.382.457.988	9.655.725.057
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	1.023.002.999	1.374.889.370
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.405.460.987	11.030.614.427
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.030.614.427	4.271.969.596
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.030.614.427)	(13.271.969.596)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	405.460.987	2.030.614.427

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	22.667.862.105	60.244.770.438
Các khoản điều chỉnh	(228.000.000)	(9.607.794.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(9.379.794.000)
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(228.000.000)	(228.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.439.862.105	50.636.976.438
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.186	4.933

Như đã trình bày tại thuyết minh số 19, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 17/06/2022 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2021 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Số đã báo cáo năm 2021	Số trình bày lại năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	60.244.770.438	60.244.770.438
Các khoản điều chỉnh	(228.000.000)	(9.607.794.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(9.379.794.000)
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	(228.000.000)	(228.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	60.016.770.438	50.636.976.438
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.847	4.933

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	235.677.909.928	212.085.748.612
Chi phí nhân công	28.156.432.126	26.079.530.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.249.002.149	8.830.671.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.225.271.951	16.956.022.576
Chi phí khác bằng tiền	2.975.014.462	234.799.039
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	284.283.630.616	264.186.772.678

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.559.610.162	-	-	5.559.610.162
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.650.778.691	-	-	1.650.778.691
Các khoản cho vay	82.500.000.000	-	-	82.500.000.000
	89.710.388.853	-	-	89.710.388.853
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.966.923.274	-	-	9.966.923.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.534.988.231	-	-	3.534.988.231
Các khoản cho vay	114.000.000.000	-	-	114.000.000.000
	127.501.911.505	-	-	127.501.911.505

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.132.348.666	-	-	15.132.348.666
Chi phí phải trả	279.033.995	-	-	279.033.995
	15.411.382.661	-	-	15.411.382.661
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.464.376.159	-	-	8.464.376.159
	8.464.376.159	-	-	8.464.376.159

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đến Cục thuế tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/02/2023. Hiện tại, Công ty đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Thọ Vực	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long	Cùng công ty mẹ
Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc
Ông Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Mến	Thành viên HĐQT
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Ngọc Long	Trưởng ban BKS
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chia cổ tức	51.319.062.060	71.794.762.032
- Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	51.319.062.060	71.794.762.032
Nhận cổ tức	134.000.000	30.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	134.000.000	30.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	2.759.703.154	2.590.962.518
- Ông Đinh Văn Hồng (Chủ tịch HĐQT)	90.000.000	87.000.000
- Ông Nguyễn Diên Tường (Giám đốc/ Phó Chủ tịch HĐQT)	903.768.254	872.591.446
- Ông Trần Minh Phương (Phó Giám đốc/ Thành viên HĐQT)	674.838.248	646.757.054
- Ông Đinh Ngọc Mến (Thành viên HĐQT)	519.168.237	489.395.465
- Ông Lâm Hùng Phương (Thành viên HĐQT)	73.000.000	35.000.000
- Ông Hoàng Ngọc Long (Trưởng ban BKS)	378.928.415	384.218.553
- Ông Nguyễn Minh Tiến (Thành viên BKS)	64.000.000	28.000.000
- Bà Ngô Thị Cẩm Hà (Thành viên BKS)	56.000.000	48.000.000
- Bà Trần Thị Vũ Hậu (Thành viên BKS)	-	20.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.


36 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 17 tháng 04 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


Phan Thị Hiền Nhi
Người lập


Đinh Ngọc Mến
Kế toán trưởng


Nguyễn Diên Tường
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023


Nguyễn Diên Tường





DOLICO



Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai

Địa chỉ: 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 3899 790

Website: www.dolicovn.com